

APPENDICES

APPENDIX A
DISTRICTS: BY PROVINCE AND REGION

October 1959

Population in 1,000's

	0-9	10-19	20-29	30-39	40-49	50-59	60-69	70-79	80-89	90-99	100-up	Total
CENTRAL HIGHLANDS												
Quang Duc	2	1										3
Lam Dong			1	1								2
Tuyen Duc		2	1									3
Kontum	1	2		1								4
Darlac			1	1					1			3
Pleiku			1		1						1	3
Total	3	5	4	3	1				1		1	18
	17%	28%	22%	17%	6%				6%		8%	
SOUTH VIETNAM-EAST												
Binh Tuy	3											3
Phuoc Long	3		1									4
Binh Long			1		1							2
Phuoc Thanh		2	1									3
Long Khanh							1					2
Phuoc Tuy	3		1		2							6
Bien Hoa					1			1			1	3
Tay Ninh						1			1	1		4
Binh Duong			1	1	1				1		1	5
Gia Dinh			1			1		1		1	2	6
Total	10	2	5	3	5	2	1	2	2	2	4	38
	26%	5%	13%	8%	13%	5%	3%	5%	5%	5%	11%	
CENTRAL LOWLANDS												
Ninh Thuan		1		1				1				3
Binh Thuan	1	2	2		1			1				7
Quang Tri	1	2		2					2			7(a)
Khanh Hoa			2		2			1				5(b)
Phu Yen		1	1	1	1			1			1	6
Thua Thien		1	1	1	1			1				9
Quang Ngai	1	2	1	1	1	4	2			2	3	11(c)
Binh Dinh	1	1	2	1	1			1		1	4	12(d)
Quang Nam	1	2	1		1			1	2	1	3	12(e)
Total	5	12	10	6	8	4	3	5	4	4	11	72
	7%	17%	14%	8%	11%	6%	4%	7%	6%	6%	15%	101
SOUTH VIETNAM-WEST												
Kien Tuong	1	3										4
Kien Phong			2		1					1	1	4
An Xuyen		1		2	1		1	1				6
Kien Giang		1	1	1	1		3				1	8
Phong Dinh						1	1				2	5
Long An		1		1	1	1	1		2	1		8
Vinh Binh			1	1	1		5			1		9
Vinh Long						1		1	2		2	6
Kien Hoa					1	2	1	1	1	1	1	7
Ba Xuyen						1	1	3	1	1	1	8
Dinh Tuong						1		2		1	3	7
An Giang				2			2			1	4	9
Total	1	6	4	7	5	7	14	8	7	7	15	81
	1%	7%	5%	9%	6%	9%	17%	10%	9%	9%	19%	101

(a) Not included in any district was the provincial chief-town of Quang Tri, pop. 9,333. It was reported as *Nha Dai Dien Hanh Chanh* or administrative center (rough translation).

(b) Not included in any district was the provincial chief-town of Nha Trang. It was reported as consisting of two villages: Nha Trang East, pop. 24,796 and Nha Trang West, pop. 24,791.

(c) Not included in any district was the provincial chief-town of Quang Ngai (reported as Cam Thanh), pop. 7,822. It was reported as the *Thi Xa* of Quang Ngai.

(d) Includes the provincial chief-town of Qui Nhon, pop. 28,778, reported as a *Thi Xa* or city.

(e) Not included in any district was the provincial chief-town of Hoi An, pop. 16,586. It was reported as *Tinh Ly* or chief-town.

SOURCE: Records of the National Institute of Statistics, Republic of Vietnam, October 1959.

APPENDIX B
VILLAGES: BY PROVINCE, REGION, AND NATION
Population in 1,000's

CENTRAL LOWLANDS	0- 1.4	1.5 2.9	3.0 4.4	4.5 5.9	6.0 7.4	7.5 8.9	9.0 10.4	10.5 11.9	12.0 over	Total
Ninh Thuan	1	8	3	7	—	2	2	—	1	24
Binh Thuan	13	16	15	9	2	—	1	—	2	58
Quang Tri	18	24	23	12	3	2	2	—	—	84
Khanh Hoa	36	26	19	10	1	1	—	—	2	95
Phu Yen	24	5	8	11	6	3	2	6	5	70
Thua Thien	12	16	13	21	16	4	4	3	1	90
Quang Ngai	56	19	21	25	14	22	7	2	1	167
Binh Dinh	73	9	11	12	19	15	7	7	13	166
Quang Nam	53	41	37	42	33	7	7	4	6	230
Total	286	164	150	149	94	56	32	22	31	984

SOUTH VIETNAM- WEST	0- 1.4	1.5 2.9	3.0 4.4	4.5 5.9	6.0 7.4	7.5 8.9	9.0 10.4	10.5 11.9	12.0 over	Total
Kien Tuong	10	9	3	2	—	1	—	—	—	25
Kien Phong	1	1	13	10	6	3	4	3	2	43
An Xuyen	—	—	1	1	3	—	6	1	11	23
Kien Giang	2	5	8	6	8	5	12	1	6	53(a)
Phong Dinh	—	3	3	10	7	8	5	1	14	51
Long An	2	19	31	18	11	9	2	2	2	96
Vinh Binh	—	2	12	19	12	16	7	3	3	74
Vinh Long	—	5	22	22	15	6	4	1	6	81
Kien Hoa	4	28	32	27	11	7	2	1	3	115
Ba Xuyen	—	8	13	10	14	7	4	7	13	76
Dinh Tuong	2	22	39	28	18	7	2	1	5	124
An Giang	2	12	20	12	10	6	14	3	18	97
Total	23	114	197	165	115	75	62	24	83	858

HIGHLANDS										
Quang Duc	7	5	2	—	—	—	—	—	—	14
Lam Dong	7	7	6	3	—	—	—	—	—	23
Tuyen Duc	15	6	2	3	1	—	—	—	—	27
Kontum	89	4	—	—	—	1	—	—	—	94
Darlac	25	31	4	2	—	—	—	—	1	63
Pleiku									Not reported	(b)
Total	143	53	14	8	1	1	—	—	1	221

SOUTH VIETNAM- EAST										
Binh Tuy	10	5	—	1	—	—	1	—	—	17
Phuoc Long	5	3	5	1	—	—	—	—	—	14(c)
Binh Long	40	8	3	1	—	2	—	—	—	54
Phuoc Thanh	15	9	4	1	—	—	1	—	—	30
Long Khanh	2	6	4	1	1	—	—	1	1	16
Phuoc Tuy	18	6	10	6	—	2	1	1	—	44
Bien Hoa	11	17	7	8	1	2	2	—	3	51
Tay Ninh	11	8	4	5	5	3	2	2	6	46(d)
Binh Duong	9	9	11	11	4	3	5	2	2	56
Gia Dinh	5	9	11	9	4	5	3	4	11	61
Total	126	80	59	44	15	17	15	10	23	389

VIETNAM	578	411	420	366	225	149	109	56	138	2,452
Units not reported in above table										
127										
GRAND TOTAL										2,579

- (a) Plus 1 village
- (b) Pleiku reported 122 villages
- (c) Plus 1 village
- (d) Plus 3 villages

Sources: Records of the National Institute of Statistics, Republic of Vietnam, October 1959.

APPENDIX C
VILLAGES: BY PROVINCE AND REGION. PERCENTAGES
Population in 1,000's

HIGHLANDS	0- 1.4 o/o	1.5- 2.9 o/o	3.0- 4.4 o/o	4.5- 5.9 o/o	6.0- 7.4 o/o	7.5- 8.9 o/o	9.0- 10.4 o/o	10.5- 11.9 o/o	12.0 -over o/o	Total Number
Quang Duc	49	35	14	—	—	—	—	—	—	14
Lam Dong	30	30	25	13	—	—	—	—	—	23
Tuyen Duc	56	22	7	11	4	—	—	—	—	27
Kontum	95	4	—	—	—	1	—	—	—	94
Darlac	40	50	6	3	—	—	—	—	1	63
Pleiku	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Total	65%	24%	6%	4%	1%	1%			1%	221

SOUTH VIETNAM- EAST	0- 1.4 o/o	1.5- 2.9 o/o	3.0- 4.4 o/o	4.5- 5.9 o/o	6.0- 7.4 o/o	7.5- 8.9 o/o	9.0- 10.4 o/o	10.5- 11.9 o/o	12.0 -over o/o	Total Number
Binh Tuy	60	29	—	6	—	—	6	—	—	17
Phuoc Long	36	21	36	7	—	—	—	—	—	14
Binh Long	74	15	6	2	—	4	—	—	—	54
Phuoc Thanh	50	30	13	3	—	—	3	—	—	30
Long Khanh	13	38	25	6	6	—	—	6	6	16
Phuoc Tuy	41	14	23	14	—	5	2	2	—	44
Bien Hoa	22	34	14	16	—	4	4	—	6	51
Tay Ninh	24	17	9	11	11	6	4	4	13	46
Binh Duong	16	16	20	20	7	5	9	4	4	56
Gia Dinh	8	15	18	15	7	8	5	7	18	61
Total	32%	20%	15%	11%	4%	4%	4%	3%	6%	389

CENTRAL LOWLANDS	0- 1.4 o/o	1.5- 2.9 o/o	3.0- 4.4 o/o	4.5- 5.9 o/o	6.0- 7.4 o/o	7.5- 8.9 o/o	9.0- 10.4 o/o	10.5- 11.9 o/o	12.0 -over o/o	Total Number
Ninh Thuan	4	33	12	29	—	8	8	—	4	24
Binh Thuan	22	28	26	16	3	—	2	—	2	56
Quang Tri	22	29	28	14	4	2	2	—	—	84
Khanh Hoa	37	27	20	10	1	1	—	—	2	95
Phu Yen	34	7	11	16	9	4	3	9	7	70
Thua Thien	13	18	14	23	18	4	4	—	1	90
Quang Ngai	34	11	12	15	8	13	4	1	1	167
Binh Dinh	44	5	7	7	11	9	4	4	8	166
Quang Nam	23	16	16	18	14	3	3	2	3	230
Total	29%	17%	15%	15%	10%	6%	3%	2%	3%	984

**SOUTH VIETNAM-
WEST**

Kien Tuong	40	36	12	8	—	4	—	—	—	25
Kien Phong	2	2	30	23	14	7	9	7	5	43
An Xuyen	—	—	4	4	13	—	27	4	46	23
Kien Giang	4	9	15	11	15	9	22	2	11	53
Phong Dinh	—	6	6	20	14	16	10	2	28	51
Long An	2	20	32	19	11	9	2	2	2	96
Vinh Binh	—	3	16	26	16	22	9	4	4	74
Vinh Long	—	6	27	27	19	7	5	1	7	81
Kien Hoa	4	24	28	24	10	6	2	1	3	115
Ba Xuyen	—	11	17	13	18	9	5	9	17	76
Dinh Tuong	2	18	31	23	15	6	2	1	4	124
An Giang	2	12	21	12	10	6	14	3	19	97
Total	3%	13%	23%	19%	13%	9%	7%	3%	10%	858

Sources: Records of the National Institute of Statistics, Republic of Vietnam, October 1959.

APPENDIX D
HAMLETS: BY DISTRICT

(a)
HIGHLANDS
Population

	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
QUANG DUC												
Duc Lap	54	3										57
Kien Duc	106											106
Khiem Duc	48											48
	208	3										211
LAM DONG												
Bao Loc	100	7	3	4	3							117
Di Linh	152	2					1					153
	252	9	3	4	3		1					272
TUYEN DUC												
Don Duong	105	8	2		1	1						117
Duc Trong	74	5	3		1							83
Lac Duong	88	3										91(a)
	267	16	5		2	1						291
KONTUM												
Daksut	136											136
Dakto	110	1										111
Kontum	187	2	1	3	1							194(b)
Toumorong	86											86(c)
	519	3	1	3	1							527
DARLAC												
Banmethuot	139	26	4			1			1		3	174(d)
Buon Ho	117	12										129(e)
Loc Thien	79	7										86
	335	45	4			1			1		3	389
Highlands	1,581	76	13	7	6	2	1		1		3	1,690

(a) includes 3 khu
(b) includes 5 khu pho
(c) includes 58 lang

(d) includes 3 khu
(e) excludes 6 not having population reported.

SOURCE: Records of the National Institute of Statistics, Republic of Vietnam, October 1959.

(b)
SOUTH VIETNAM-EAST
Population
Hamlets

	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
BINH TUY												
Ham Tan	11	5	2									18
Hoai Duc	60	2										62(a)
Tanh Linh	28	12	1		1							42(b)
	99	19	3		1							122
PHUOC LONG												
Bo Duc	17	1	3									21
Duc Phong	2											2(c)
Phuoc Binh	30	3	6	2	1							42
Phuoc Hoa	5											5
	54	4	9	2	1							70
BINH LONG												
An Loc	117	15	8	2				1				143
Loc Ninh	83	10		1			1					95(d)
	200	25	8	3		1		1				238
PHUOC THANH												
Hien Lam	7	5	4	1	1							18
Phu Giao	25	9	2	1								37(e)
Tan Uyen	55	24		1								80
	87	38	6	3	1							135

	0	500	1,000	1,500	2,000	2,500	3,000	3,500	4,000	4,500	5,000	Total
	499	999	1,499	1,999	2,499	2,999	3,499	3,999	4,499	4,999	over	
LONG KHANH												
Dinh Quan	4	5	2	1								12
Xuan Loc	50	25	3	5	2	1		1	1	1		89(f)
	54	30	5	6	2	1		1	1	1		101
PHUOC TUY												
Can Gio	12	1	1	1								15
Chau Thanh	51	21	7	1	2							82(g)
Long Dien	67	24	5		2							98
Quang Xuyen	12											12(h)
Vung Tau	12	24	2	1	2							41
Xuyen Moc	27	2										29
	181	72	15	3	6							277
BIEN HOA												
Long Thanh	61	46	7	1		1						116(i)
Chau Thanh	23	26	18	6	3	4	4	1		1	3	89(j)
Di An	23	20	14	3		1						61
	107	92	39	10	3	6	4	1		1	3	266
TAY NINH												
Go Dau Ha	36	49	7	5	3	1					2	103
Cam Giang	80	25	19	11	3	1						139
Phuoc Ninh	50	11	8	2	1							72(k)
Trang Bang	18	10	15	6	2	2	2			1		56(l)
	184	95	49	24	9	4	2			1	2	370
BINH DUONG												
Ben Cat	48	21	4	1	1			1				76
Cu Chi	30	43	15	10	6	3	3					110
Chau Thanh	10	20	14	9	1	1	2		2		1	80
Dau Tieng	21	6	3	1	2	1						34
Lai Thieu	16	12	10	2	1	1	1	1		1		45
	125	102	46	23	11	6	6	2	2	1	1	325
GIA DINH												
Binh Chanh	126	21	1	1								149
Go Vap	14	17	6	8	8	7	3	1		2	10	76
Hoc Mon	15	29	13	9	6	3	4	1	1			81
Nha Be	25	20	4	1								50
Tan Binh	10	13	13	5	4	2	1		2	2	10	62
Thu Duc	24	14	17	7	2	2			1	1	1	69
	214	114	54	31	20	14	8	2	4	5	21	487

Footnotes

- Binh Tuy:* (a) Includes 5 *thon*. (b) Includes 2 *thon*.
Phuoc Long: (c) District also included 2,065 highlanders and 1,719 resettlers for which no units were reported.
Binh Long: (d) Includes 9 highland settlements.
Phuoc Thanh: (e) Includes 2 land development centers (pop. 1,627 and 320).
Long Khanh: (f) Includes 1 *khom* (pop. 44).
Phuoc Tuy: (g) Includes 18 *khv*. (h) Excluded 7 hamlets (pop. 3,599) lacking population breakdowns.
Bien Hoa: (i) Includes 1 *thon* (pop. 88); excluded 28 hamlets (pop. 10,452) lacking population breakdowns. (j) Excluded 1 residential area for military families (pop. 7,573).
Tay Ninh: (k) Excluded 3 newly established villages for which no data were reported. (l) Includes 1 *ku pho* (pop. 3,497).

HAMLETS: BY DISTRICT

(c)
CENTRAL LOWLANDS
Summary*

Province	Thon	Hamlet	Buon	Not Clear	Total
Ninh Thuan	90	35			125
Binh Thuan		235			235
Quang Tri	317	272			589
Khanh Hoa	199	160	30	7	396
Phu Yen	242	231	91		564
Thua Thien	403	195		26	624
Quang Ngai	310	480			770
Binh Dinh	669	493		11	1,173
Quang Nam	109	998		34	1,141
	2,339	3,079		78	5,617

*See other tables for explanatory notes.

Thons

	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
NINH THUAN												
An Phuoc												
Buu Son	18	8	5	1	1							33
Thanh Hai	16	14	11	8	2	1	2	1	1		1	57
	34	22	16	9	3	1	2	1	1		1	90
QUANG TRI												
Ba Lang	6	1										7
Cam Lo	14	3										17
Gio Linh	17	7	3			1						28
Hai Lang	25	21	9	6	1			2		1		65(a)
Huong Hoa	32											32
Trieu Phong	79	43	11	3	5							141(b)
Trung Luong	9	6	4	1								20
Nha Dai Dien												
Hanh Chanh	1	1	3		2							7(c)
	183	82	30	10	8	1		2		1		317
KHANH HOA												
Cam Lam	11	8	1									20
Dien Khanh	15	8	4	1	5	1	1	2				37
Ninh Hoa	69	26	9	2		1					1	108
Van Ninh	17	9	1	3	3				1			34
Vinh Xuong												(d)
	112	51	15	6	8	2	1	2	1		1	199
PHU YEN												
Dong Xuan	3	3	6	8		1			1			22
Phu Duc	8	3										11
Song Cau	1	12	13	4	5					1		38(e)
Son Hoa	9	6	2									17
Tuy An	9	9	7	1	1							27
Tuy Hoa	30	43	21	13	11	5	2	1	1	1	1	129(f)
	60	76	49	26	17	6	2	1	2	2	1	242
THUA THIEN												
Huong Dien												
Huong Thuy	1	2	1				1					5(g)
Huong Tra	28	19	2	2	1	1	1					54
Nam Hoa	106	2										108
Phong Dien	6	12	7	1		2						28
Phu Loc	40	25	5	1	3			1			1	78
Phu Vang	36	7	4	4		3						54(h)
Quang Dien	11	21	5	1		1						39
Vinh Loc	7	12	9	7	3				1			39
	235	100	33	16	7	7	2	1	1		1	403
QUANG NGAI												
Ba To	4											4
Binh Son	3	8	4	6	2	1	2					26
Chuong Nghia												
Duc Pho	6	8	11	5	2	2	2					36
Minh Long	12											12
Mo Duc	5		4	4	2	2	3	2				22
Nghia Hanh	11	18	11	3	2	1			1			47
Son Ha												
Son Tinh	8	10	18	7	7	1		3	2	1	2	59
Tu Nghia	1	13	15	13	5	5	4					56
Tra Bong	36	9	3									48
Thi Xa Cam												
Thanh												
	86	66	66	38	20	12	11	5	3	1	2	310
BINH DINH												
An Lao	119	6	5		1							131(i)
An Nhon	10	33	26	10		1	1		1			82
An Tuc	13	1										14
Binh Khe	2	2	2	1								5
Hoai An	9	10	4	2								25
Hoai Nhon	12	16	16	16	11	6	4	4	2		2	73(j)
Phu Cat	10	31	22	8	5							76
Phu My	31	37	21	15	7	2	1					114
Tuy Phuoc	11	20	15	3	1	1	1	1		1		54(k)
Van Canh	2											2
Vinh Thanh	72	1		2	1							76
Thi Xa Quy												
Nhon	4	9	4									17
	293	150	115	57	26	10	7	5	3	1	2	669

QUANG NAM	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
Duy Xuyen												
Dai Loc												
Dien Ban	6	32	38	20	7	3	1	1			1	109
Hau Duc												
Hiep Duc												
Hieu Duc												
Hoa Vang												
Que Son												
Tam Ky												
Tien Phuoc												
Thanh Binh												
Thuong Duc												
	6	32	38	20	7	3	1	1			1	109

Footnotes

Quang Tri: (a) Excluded 1 military families' center. (b) Includes 4 *van* and 2 *phuong*. (c) Reported as 5 *thon* and 2 *van*.

Khanh Hoa: (a) 5 additional *thon* reported but data are not clear.

Phu Yen: (e) For 1 village, report stated 8 T and 2 A but 2 A were excluded since 8 pop. breakdowns equaled total population for village. (f) All 6 sub-units of 1 village (pop. 17,201) reported as *phuong* herein classified as *thon*.

Thua Thien: (g) Excluded were 3 *thon* reported in 1 village since population data were not clear as 1 *hamlet* was also reported. (h) 24 units—a mixture of hamlets, *thons* and *lien thuyen's* (3) excluded since no population breakdowns given.

Binh Dinh: (i) Includes 15 *lang*. (j) Includes 3 *lien-thon*. (k) 3 Additional *thon* 43p0453e with a consolidated population.

Population
CENTRAL LOWLANDS
Hamlet

	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
NINH THUAN												
An Phuoc	11	13	1	1								26
Buu Son	2	4		1			2					9
Thanh Hai												
	13	17	1	2			2					35
BINH THUAN												
Ham Thuan	9	29	26	8	2			1	1		5	81
Hai Long	14	13	8	1								36
Hai Ninh	1	12	5	4	1							23
Hoa Da	3	10	5	4	5						1	31
Phan Ly Cham	40	3										43
Phu Qui	3	2	4	1								10
Tuy Phong	6	3		1							1	11
	79	72	48	19	8			1	1		7	235
QUANG TRI												
Ba Long	39											39
Cam Lo	64	12	1	4								81
Gio Linh	24	4	2	1								31
Hai Lang	17	4	7		2							30
Huong Hoa	91											91
Trieu Phong												
Trung Luong												
Nha Dai Dien												
Hanh Chanh												
	235	20	10	5	2							272
KHANH HOA												
Cam Lam	37	7	4									48
Dien Khanh	41											41(a)
Ninh Hoa	12	6	2		1							21
Van Ninh												
Vinh Xuong	15	15	10	1	1	2	1					45
Nha Trang												
East							1				2	3
Nha Trang												
West												
	105	28	16	1	2	2	2				4	180

PHU YEN										
Dong Xuan										(b)
Phu Duc										42
Song Cau	38	3		1						189
Son Hoa	177	11		1						
Tuy An										
Tuy Hoa										
	215	14		2						231
THUA THIEN										
Huong Dien	8	5	4	1		2		1		21
Huong Thuy	32	24	13	3	1	2			1	76
Huong Tra	1	8	3	2	1					15
Nam Hoa										
Phong Dien	11	7	2	1		1				22
Phu Loc										
Phu Vang	12	7	3							22(c)
Quang Dien	10	8	9	1	1				1	30
Vinh Loc	2	3	1	1	2					9
	76	62	35	9	5	5		1	2	195
QUANG NGAI										
Ba To	120									120
Binh Son	11	13	11	6	6	3	2			55
Chuong Nghia	38									38
Duc Pho	13	14	11	8	2	2				50
Minh Long	44	2								46
Mo Duc	25	10	8	7	4	1				55
Nghia Hanh										
Son Ha	53	15	1	1	1					71
Son Tinh	1	2	2	1			1		1	9
Tu Nghia	2	3	3	4						12
Tra Bong										
Thi Xa										
Cam Thanh			2			2				4
	307	59	38	27	13	8	4	2	1	1 460
BINH DINH										
An Lao	7									7
An Nhon	2	6	2		1					11
An Tuc	234	3		1						238
Binh Khe	2	8	13	14	4	2				43
Hoai An	3	14	3	2	1					23
Hoai Nhon	1	2	2		1					6
Phu Cat	5	6	5	7	1					24
Phu My										
Tuy Phuoc	11	21	11	8	5	1				57(d)
Van Canh	55									55
Vinh Thanh	4									4
Thi Xa										
Qui Nhon	11	12	2							25(e)
	335	72	38	32	13	3				493
	0	500	1,000	1,500	2,000	2,500	3,000	3,500	4,000	4,500
	499	999	1,499	1,999	2,499	2,999	3,499	3,999	4,499	4,999
										5,000
										over
										Total
QUANG NAM										
Duy Xuyen	3	27	22	8	5	2			1	1
Dai Loc	27	41	14	7	1	1	1			69
Dien Ban	3	11	11	6	1	1				33(f)
Han Duc	17	9								26(g)
Hiep Duc	32	12	2							46
Hieu Duc	50	3	3		2	1				59
Hoa Vang	18	25	17	8	6	4			1	79
Que Son	25	67	21	2	1			1		117
Tam Ky	50	96	31	13	2	1	2			195(h)
Tien Phuoc	59	35								94
Thanh Binh	17	25	36	18	4	3	2		1	108(i)
Thuong Duc	62	10	5							77
Ho An										
Village		1		1	1				1	1
	383	362	162	63	23	13	5	1	1	3
									2	998

Footnotes

Khanh Hoa: (a) Not reported were the breakdowns for two villages.

Phu Yen: (b) 2 hamlets, reported along with 8 *thon* for 1 village excluded since data seemed to concern only the 8 *thon*.

Thua Thien: (c) 24 units consisting of hamlets, *thon*s and *lien-thuyen*'s excluded since no population breakdowns given.

Binh Dinh: (d) Excluded 3 *rom* (pop. 802), lacking pop. breakdown. (e) No population breakdown reported for the 4 hamlets of 1 village (pop. 2,413).

Quang Nam: (f) Includes 1 *con*. (g) 34 hamlets excluded since pop. breakdowns unreported. (h) Includes 3 *phuong* and 2 *pho* reported as subunits of 1 village. (i) Includes 1 *con*.

	0 499	500 899	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
KIEN HOA												
Ba Tri	21	42	16	4	1							84(o)
Binh Dai	42	27	18	2								89
Giong Trom	73	49	8	5	1							136
Ham Long	36	23	6	2								67(p)
Mo Cay	113	114	17	1	1	1						247(q)
Thanh Phu	55	25	11	1								92
Truc Giang	69	40	10	6	5	3						133(r)
	409	320	86	21	8	4						848
BA XUYEN												
Gia Rai	13	36	16	7	1	1			1			75
Ke Sach	27	29	12	5	2							75
Long Phu	54	40	9	4	2							109
My Xuyen	33	38	20	8	3	2	2	1				107(s)
Phuoc Long	11	47	26	4	1		1					90(t)
Thanh Tri	1	12	15	13	6	3		1				51
Thuan Hoa	35	41	7	6	1							90
Vinh Loi	6	23	18	9	8			2				68(u)
	180	266	123	56	24	6	3	4	1			663
DINH TUONG												
Ben Tranh	41	43	19	2	1							106
Cai Lay	79	85	22	2								188
Cai Be	9	31	31	15	6	1	1					94(v)
Chau Thanh	83	58	3	4	3				1			152(w)
Cho Gao	52	53	5									110
Go Cong	74	59	7	2	2	1	1	1				147
Hoa Dong	108	46	1	1								156
	446	375	88	26	12	2	2	1	1			953
AN GIANG												
An Phu	12	13	15	8	4	3				1		56
Chau Phu	4	14	11	19	8	4	3	6				71
Chau Thanh	2	15	10	11	9	4	2	1			2	62
Cho moi	2	20	32	14	11	4	3				2	88
Nui Sap	4	7	7	7	1	1						27
Tan Chau		7	13	7	5	5	4	3	3	2		49(x)
Tinh Bien	10	10	8	2	2	1	2					35
Thot Not	1	7	7	5	5	3	4	7	2	1		42
Tri Ton	14	44	9	4	2				1			74
	49	137	112	77	47	25	18	17	6	6	10	504

Kien Tuong: (a) Includes 1 land development center (pop. 2,175).

Kien Phong: (b) Excluded 5 hamlets (pop. 3,852) lacking population breakdowns.

An Xuyen: (c) Includes 18 *khu cuc*.

Kien Giang: (d) Excluded 4 hamlets (pop. 2,944 and 1,296), lacking population breakdowns. (e) Excluded 12 hamlets (pop. 9,049), lacking population breakdowns.

Phong Dinh: (f) Includes 1 *khu cho*. (g) Excluded 3 hamlets (pop. 1,600), lacking population breakdowns.

Long An: (h) Includes 2 *khom* (pop. 399,173). (i) Excluded 2 hamlets (pop. 1,453) and 21 hamlets (pop. 7,833), lacking population breakdowns. (j) Excluded 2 hamlets (pop. 2,361), lacking population breakdowns.

Vinh Binh: (k) Includes 4 *khu*.

Vinh Long: (l) Includes 1 *ho*. (m) Excluded 2 hamlets (pop. 3,833) lacking population breakdowns. (n) Excluded 6 hamlets (pop. 6,550) and 9 hamlets (pop. 4,757), lacking population data.

Kien Hoa: (o) Excluded 9 hamlets (pop. 6,032) lacking population breakdowns. (p) Excluded 3 hamlets (pop. 2,846) lacking population breakdowns. (q) Excluded 4 hamlets (pop. 2,868) and 6 hamlets (pop. 3,616) lacking population breakdowns. (r) Excluded 5 hamlets (pop. 3,013) and 5 hamlets (pop. 3,340).

Ba Xuyen: (s) Includes 19 *khu*. (t) Includes 1 *khu cho*. (u) Excluded 9 *khu* (pop. 25,467) and 2 hamlets (pop. 1,545) lacking population breakdowns.

Dinh Tuong: (v) Includes 1 *khu cho*. (w) Excluded 4 *khu* (pop. 13,194; 12,658; 5,631; 9,129) containing 202 hamlets since they represent a major deviation both in terms of population and *khu*-hamlet relationship assumed in most provinces to be parallel rather than hierarchical.

An Giang: (x) Includes 1 *khu*.

Sources: Records of the National Institute of Statistics, Republic of Vietnam, October 1959.

APPENDIX E
HAMLETS: BY PROVINCE AND REGION

(a)
HIGHLANDS (See Appendix A-4)
SOUTH VIETNAM-EAST
Population

	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
Binh Tuy	99	19	3		1							122
Phuoc Long	54	4	9	2	1							70
Binh Long	200	25	8	3		1		1				238
Phuoc Thanh	87	38	6	3	1							135
Long Khanh	54	30	5	6	2	1		1	1	1		101
Phuoc Tuy	181	72	15	3	6							277
Bien Hoa	107	92	39	10	3	6	4	1		1	3	266
Tay Ninh	184	95	49	24	9	4	2			1	2	370
Binh Duong	125	102	46	23	11	6	6	2	2	1	1	825
Gia Dinh	214	114	54	31	20	14	8	2	4	5	21	487
	1,305	591	234	105	54	32	20	7	7	9	27	2,391(a)

(a) 35 hamlets lacking population breakdowns were excluded.

(c)
CENTRAL LOWLANDS(a)
Thons

	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
Ninh Thuan	34	22	16	9	3	1	2	1	1		1	90
Binh Thuan												
Quang Tri	183	82	30	10	8	1	2	2		1		317
Khanh Hoa	112	51	15	6	8	2	1	2	1		1	199
Phu Yen	60	76	49	26	17	6	2	1	2	2		242
Thua Thien	235	100	33	16	7	7	2	1	1		1	403
Quang Ngai	86	66	66	38	20	12	11	5	3	1	2	310
Binh Dinh	293	150	115	57	26	10	7	5	3	1	2	669
Quang Nam	6	32	38	20	7	3	1	1			1	109
	1,009	579	362	182	96	42	26	18	11	5	9	2,339

(a) Buon: Khanh Hoa: 0-499 = 30; Phu Yen: 0-499 = 90; 500-999 = 1.

Hamlets

Ninh Thuan	13	17	1	2			2					35
Binh Thuan	79	72	48	19	8			1	1		7	235
Quang Tri	235	20	10	5	2							272
Khanh Hoa	105	28	16	1	2	2	2				4	160
Phu Yen	215	14		2								231
Thua Thien	76	62	35	9	5	5		1		2		195
Quang Ngai	307	59	38	27	13	8	4	2	1		1	480
Binh Dinh	335	72	38	32	13	3						493
Quang Nam	363	362	162	63	23	13	5	1	1	3	2	998
	1,728	706	348	160	66	31	13	5	3	5	14	3,079

(d)
SOUTH VIETNAM-WEST

	0 499	500 999	1,000 1,499	1,500 1,999	2,000 2,499	2,500 2,999	3,000 3,499	3,500 3,999	4,000 4,499	4,500 4,999	5,000 over	Total
Kien Tuong	185	15	1		1		1					203
Kien Phong	9	43	68	26	14	8		1	1	1		171
An Xuyen	55	118	81	18	10	4						286
Kien Giang	39	94	90	47	15	14	4	2	2	1	4	312
Phong Dinh	69	161	86	48	18	13	2	9		1	4	411
Long An	428	328	51	10	5	2	1	1	1			827
Vinh Binh	234	324	111	27	4	3	2	1			2	708
Vinh Long	86	183	108	43	14	8	6	6		2		460
Kien Hoa	409	320	86	21	8	4						848
Ba Xuyen	180	266	123	56	24	6	3	4	1			663
Dinh Tuong	446	375	88	26	12	2	2	1	1			953
An Giang	49	137	112	77	47	25	18	17	6	6	10	504
	2,189	2,364	1,005	399	172	89	39	42	12	11	24	6,346(a)

(a) 313 hamlets lacking population breakdowns were excluded.

Sources: Records of the National Institute of Statistics, Republic of Vietnam, October 1959.

12. *Phuong* a: Occupational group; guild. (original) Now-subdivision of Quan (Saigon).
b: Reported from Tuy Hoa District, Phu Yen Province, and Trieu Phong District, Quang Tri Province; also used in Saigon Prefecture.
13. *Soc* a: Hamlet of Highlanders.
b: Reported from Highland area of Phuoc Long Province.
14. *Thon* a: Village.
b: Central Lowland village relegated to hamlet status by a consolidation program establishing the *lien xa* as the new, larger village.
15. *Van* a: Settlement of boats.
b: Reported from Quang Nam, Quang Tri, and Thua Thien Provinces.
16. *Xom* a: Hamlets. Title usually employed in nontechnical discussions; combined with *lang* (*lang xom*) to refer to rural settlement, whether village or hamlet.
b: Reported only from Tuy Phuoc District, Binh Dinh Province for 3 small units containing 800 persons.

Other Titles

17. *Ap Tru Mat* a: A small dense settlement.
b: Popularly translated as agrovillage.
18. *Chau Thanh* a: Area containing provincial headquarters.
18. *Chan Thanh* b: A synonym for *tinh ly*; used mainly in the South Vietnam-West and South Vietnam-East regions; reported from several chief-town districts.
19. *Do Thanh* a: Prefecture.
b: In Vietnam used only for the capital city of Saigon.
20. *Dia Diem Dinh Dien* a: Land development center.
b: In this study classified either as a hamlet or village: village in Binh Tuy Province; and hamlet in Kien Tuong, Phuoc Long, and Phuoc Thanh Provinces.
21. *Khu Tru Mat* a: Large, dense settlement.
b: Popularly translated as agrovillage.
22. *Thanh Pho* a: Large city or municipality. Legally applicable to Hue, Dalat, and Danang.
23. *Thi Xa* a: City or municipality of small to medium size. From 1954 to 1956 legally applicable to provincial chief-towns and other "large market towns."
b: Reported from Qui Nhon, Binh Dinh province chief-town. Subdivisions were reported as *khu-pho* and lower level as *thon* and *ap*.
24. *Tinh Ly* a: Provincial chief-town. Used for smaller units containing provincial headquarters.
b: Reported only from Hoi An, Quang Nam Province.
25. *Trai Gia Dinh Binh Si*
25. *Trai Gia Dinh Binh Si* a: Center for military families.
b: All units excluded from this study on assumption of no similarity to other local units.
26. *Nha Dat Dien Hanh Chanh*
26. *Nha Dat Dien Hanh Chanh* a: Administrative representative center.
b: An obsolete title formerly used for districts of minor importance in the Central Lowlands and Highlands; reported from Quang Tri Province as the chief-town with subdivisions of *thon* and *ap*.